

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo: 3 năm
- Thời gian học tập: 131 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 3750 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 300 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp: 90 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 3300 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 2430 giờ; Thời gian học tự chọn: 870 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 952 giờ; Thời gian học thực hành: 2348 giờ

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC; THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN:

Mã MH,	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
MĐ		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Các môn học chung	450	220	199	31
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	6	50	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	15	55	5
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	120	60	50	10

II	Các môn học và mô đun đào tạo nghề bắt buộc	2645	862	1618	135
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	795	487	251	57
MH 07	Điện kỹ thuật	45	42	0	3
MH 08	Điện tử cơ bản	45	42	0	3
MH 09	Cơ ứng dụng	60	56	0	4
MH 10	Tiếng Anh chuyên ngành Ô tô	90	60	20	10
MH 11	Vật liệu học	45	30	12	3
MH 12	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	45	30	12	3
MH 13	Chi tiết máy	90	60	20	10
MH 14	Vẽ kỹ thuật	45	30	12	3
MH 15	Công nghệ khí nén - thủy lực ứng dụng	45	42	0	3
MH 16	Nhiệt kỹ thuật	45	42	0	3
MH 17	An toàn lao động	30	25	3	2
MH 18	Tổ chức quản lý sản xuất	30	28	0	2
MH 19	Thực hành AUTOCAD	45	0	43	2
MH 20	Thực hành Nguội cơ bản	90	0	86	4
MH 21	Thực hành Hàn cơ bản	45	0	43	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	1850	375	1367	78
MĐ 20	Kỹ thuật chung về ô tô và công nghệ sửa chữa	75	30	41	4
MĐ 21	Bảo dưỡng và sửa chữa động cơ xăng	120	30	114	6
MĐ 22	Bảo dưỡng và sửa chữa động cơ diesel	120	15	71	4
MĐ 23	Bảo dưỡng và sửa chữa trang bị điện ô tô	120	30	71	4
MĐ 24	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống gầm ô tô	120	30	71	4
MĐ 25	Chế tạo phôi hàn	60	8	50	2
MĐ 26	Gá lắp kết cấu hàn	60	15	37	8
MĐ 27	Hàn hồ quang tay	60	8	50	2
MĐ 28	Hàn MIG/MAG cơ bản	60	8	50	2

MĐ 29	Hàn TIG cơ bản	60	8	50	2
MĐ 30	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô	60	50	8	2
MĐ 31	Tính toán kết cấu hàn	60	48	4	8
MĐ 32	Kỹ thuật pha và chỉnh màu sơn	60	20	38	2
MĐ 33	Kỹ thuật làm nền và tạo mặt phẳng trước khi sơn	240	30	200	10
MĐ 34	Kỹ thuật phun sơn	240	30	200	10
MĐ 35	Thực tập tại cơ sở sản xuất 2	335	15	312	8
Tổng cộng		3095	1082	1817	166

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

Nội dung chi tiết có phụ lục kèm theo

1.1. Danh mục và phân bổ môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn :

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	Phân bổ thời gian	720	231	421	68
MĐ 34	Hàn tiếp xúc (hàn điện trở)	60	10	43	7
MĐ 35	Hàn tự động dưới lớp thuốc	60	22	31	7
MĐ 36	Kỹ thuật gò	180	14	156	10
MĐ 37	Công nghệ phục hồi chi tiết trong sửa chữa ô tô	90	15	71	4
MĐ 38	Tin học chuyên ngành ô tô	120	60	50	10
MĐ 39	Công nghệ lắp ráp ô tô	90	60	20	10
MĐ 40	Tổ chức quản lý doanh nghiệp ô tô	60	30	20	10
MĐ 41	Kỹ thuật lái ô tô	60	20	30	10
MĐ 42					
MĐ 43					

MĐ 44					
MĐ 45					
MĐ 46					
MĐ 47					
MĐ 48					